

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN DU  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST  
Ngày 23 - 8 - 2022  
V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang Lưu và bà Dương Thị Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/8/2022 và ngày 23/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 53/2021/TLST-DS ngày 06/7/2021, về việc "Tranh chấp chia thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-ST ngày 20/5/2022; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-DS ngày 20/6/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 20/7/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đắc Luật, sinh năm 1963;

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Đắc Bắc, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Xóm 6, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

**Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Tám, sinh năm 1956 (Có mặt tại phiên tòa -Vắng mặt khi tuyên án);

2. Anh Nguyễn Đắc Khuyến, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1983 (Có mặt tại phiên tòa -Vắng mặt khi tuyên án);

Cùng địa chỉ: Xóm 6, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

\*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Tám, anh Khuyển:

1. Chị Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1983 (Có mặt tại phiên toà -Vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Nhuận, sinh năm 1953 (Vắng mặt);

Địa chỉ: thôn Thôn Thượng, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

4. Chị Nguyễn Thị Đáng, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

\*Người đại diện theo uỷ quyền của chị Đáng:

1. Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1983 (Có mặt tại phiên toà -Vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Đắc Bắc trình bày:

Cụ Nguyễn Đắc Áng, sinh năm 1925 (mất năm 2001) và cụ Nguyễn Thị Doan, sinh năm 1924 (mất năm 2019) là ông bà nội anh; trước khi chết không để lại di chúc.

Quá trình sinh sống các cụ sinh được 05 người con gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Nhuận, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 6, thôn Thượng, Cảnh Hưng.

2. Ông Nguyễn Đắc Nhã, sinh năm 1955 (Chết năm 1997);

3. Bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1957 (mất năm 1974) không có chồng con.

4. Bà Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1960; Xóm 4, thôn Rền, xã Cảnh Hưng.

5. Ông Nguyễn Đắc Luật, sinh năm 1963;

Các cụ không nhận ai làm con nuôi, cũng không làm con nuôi ai.

Ông Nhã có vợ là bà Nguyễn Thị Tám, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng. Ông Nhã có các con là Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1979; Nguyễn Đắc Khuyến, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng và Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 6, thôn Rền, xã Cảnh Hưng.

Tài sản các cụ để lại là thửa đất số 460, có diện tích 443 m<sup>2</sup> tờ, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa 138, tờ bản đồ 19, diện tích 407 m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 407 m<sup>2</sup> gọi tắt là thửa đất số 460) loại đất là đất ở và thửa 459, diện tích 57 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05 (nay là 1 phần của thửa đất số 137, tờ bản đồ 19 gọi tắt là thửa đất số 459), loại đất vườn,; toạ lại tại xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du.

Hai thửa đất trên đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đắc Áng, năm 1998.

Hộ ông Áng năm 1998 gồm có: Cụ Áng và cụ Đoan. Bố mẹ anh ở trên thửa đất khác của gia đình nhà anh được cấp, còn gia đình ông Nhã bà Tám ở trên cùng thửa đất với các cụ nhưng ở nhà ngang.

Quá trình ở trên đất thì các cụ xây dựng được các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói làm năm 1958; đến năm 2015-2016 do mục nát nên gia đình anh đã dỡ xuống còn lại móng; 01 nhà ngang cấp 4 xây do ông Nhã xây dựng, hiện nay bà Tám và anh Khuyến đang sử dụng; khu chăn nuôi nuôi bà Tám và anh Khuyến xây dựng và đang sử dụng. Trên phần diện tích vườn 57 m<sup>2</sup>, chị Hà có xây dựng 01 khu chăn nuôi.

Trên thửa đất 460 thì 1 phần gia đình bố anh là ông Luật đang sử dụng, 1 phần gia đình bà Tám anh Khuyến sử dụng, thửa đất số 459 chị Hà đang quản lý và sử dụng.

Nguồn gốc diện tích đất 407 m<sup>2</sup> là do cụ Áng và cụ Đoan để lại cho bố mẹ anh và các bác, còn phần diện tích đất 57 m<sup>2</sup> là do bố anh đào đất ao, tân tạo thành vườn từ khoảng năm 1980, công sức là của một mình bố anh, các cụ và cả gia đình đều biết nhưng năm 1998 khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Áng đã kê khai và làm chứng nhận tên cho hộ ông Áng cả phần diện tích 57 m<sup>2</sup> trên.

Đối với các thửa đất trên mẹ anh và các anh chị em không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản các cụ để lại nên đã từ chối tham gia tố tụng.

Thửa đất số 460 hiện nay tên chủ sử dụng trên hồ sơ kỹ thuật thửa đất là bà Nguyễn Thị Tám do gia đình anh không ở trên khoảng ½ thửa đất đó nên khi kê

khai trên hồ sơ kỹ thuật thửa đất bà Tám là người kê khai chủ sử dụng cả thửa đất trên; thực tế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn tên hộ cụ Áng. Anh khẳng định diện tích trên được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Nếu diện tích đo đạc thực tế 407 m<sup>2</sup> là đúng thì anh nhất trí đề nghị chia theo số liệu này.

Thửa đất số 459 chị Hà đang sử dụng, bà Tám kê khai cùng với diện tích đất của bà Tám đang sử dụng.

Trong vụ án này bố anh đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của cụ Áng và cụ Đoan theo quy định pháp luật cho 04 người con (phần của ông Nhã do các con ông Nhã thừa kế thế vị). Phần của các bác cho bố anh, bố anh xin nhận bằng hiện vật là đất.

Anh đề nghị Toà án khi chia di sản thì chia các thửa đất hướng ra mặt ngõ (hướng Tây Nam) để cho tất cả các thửa đất đều hướng ra ngõ lớn. Các tài sản trên đất đều không có giá trị lớn, các bên được hưởng tài sản trên phần đất nào sẽ trích trả cho bên kia giá trị bằng tiền. Trên đất của bố anh có một số loại cây chuối, vải, nhãn.. giá trị tài sản không lớn lên không yêu cầu trích trả, chỉ yêu cầu trích trả đối với các đoạn tường xây.

Ngoài ra nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

\*Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn chị Nguyễn Thị Hà vừa là người đại diện theo uỷ quyền của đồng bị đơn vừa là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nga trình bày:

Các chị là con của ông Nguyễn Đắc Nhã (đã chết năm 1997) và bà Nguyễn Thị Tám.

Các chị thừa nhận lời khai của ông Luật, anh Bắc trình bày về thành phần gia đình là đúng. Khi còn sống các cụ Áng và cụ Đoan tạo dựng được các tài sản.

### **Tài sản 1:**

Tài sản các cụ để lại là thửa đất số 460 và thửa 459 như trên, hai thửa đất đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đắc Áng, năm 1998.

Hộ ông Áng năm 1998 gồm có: Hai ông bà là Áng và bà Đoan. Còn vợ chồng ông Luật ở trên thửa đất khác; gia đình bố mẹ các chị ở trên cùng thửa đất với các cụ nhưng ở nhà ngang còn có chung hộ khẩu và cấp đất cho ai thì các chị không biết.

Quá trình ở trên đất thì các cụ xây dựng được các tài sản trên đất ở gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói; đến năm 2015-2016 nên gia đình ông Luật đã dỡ xuống

còn móng; 01 nhà ngang cấp 4 xây do bố mẹ tôi xây dựng, hiện nay bà Tám và anh Khuyến đang sử dụng; khu chăn nuôi bà Tám và anh Khuyến xây dựng và đang sử dụng. Trên thửa đất số 459, chị Hà đang quản lý và sử dụng, chị Hà có xây dựng 01 khu chăn nuôi.

### **Tài sản thứ 2:**

Thửa đất có diện tích 545 m<sup>2</sup> tại xóm 6, thôn Rền xã Cảnh Hưng hiện nay do gia đình ông Luật đang quản lý và sử dụng, nhưng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này có nguồn gốc là của các cụ đổi mà có sau đó cho ông Luật ra sử dụng, ở riêng. Trên mảnh đất của ông Luật có 01 ngôi nhà cấp 4, cổng ngõ, tường bao, cây cối...

Gia đình các chị cũng không có nhu cầu tranh giành, các chị nêu cho Tòa án và ông Luật biết là phần của ông Luật đã có rồi lại tranh giành với bà Tám và các cháu, gia đình các chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

### **Tài sản thứ 3:**

Các cụ để lại ruộng canh tác 1148 m<sup>2</sup>, có 3 nhân khẩu gồm có cụ Áng, cụ Doan và ½ số ruộng mẹ để cụ Doan cho cụ Doan. Mẹ cụ Doan có 2 chị em, hai chị em đã chia tách bạch cho nhau sử dụng, không ai có tranh chấp.

Diện tích ruộng trên nằm rải rác ở các xứ đồng, hiện nay gia đình ông Luật đang canh tác. Trong vụ án này gia đình các chị trình bày cho Tòa án biết là hiện nay gia đình ông Luật sử dụng ruộng của các cụ, còn trong vụ án này gia đình chị không có ý kiến gì yêu cầu gì.

Thửa đất số 460 được đo đạc chính quy năm 2003 là 407 m<sup>2</sup>, hiện nay tên chủ sử dụng trên hồ sơ kỹ thuật thửa đất là bà Nguyễn Thị Tám; các chị khẳng định diện tích trên được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Nếu diện tích đo đạc thực tế 407 m<sup>2</sup> là đúng thì các chị nhất trí số liệu trên.

Thửa 459 hiện nay tên chủ sử dụng trên hồ sơ kỹ thuật thửa đất là bà Nguyễn Thị Tám nằm trong thửa đất diện tích 347 m<sup>2</sup> do bà Tám đang sử dụng.

Bố mẹ các chị sống trên thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 460. Mảnh đất trên có nguồn gốc ban đầu diện tích không được như hiện nay mà có 1 phần là ao, sau đó bố mẹ các chị là người tân lập, lấy đất ở ao đắp lên được như hiện nay, sau đó được công nhận là đất ở cho hộ cụ Áng. Thửa đất 459 là đất vườn ban đầu là ao, sau đó các cụ tân tạo từ trước không phải như ông Luật trình bày là ông Luật tân ao, bố mẹ chị cũng có công sức tân tạo ao. Khi gia đình còn hoà thuận có sự phân chia tài sản, gia đình chị được sử dụng 1 phần thửa đất 460, cùng toàn bộ tài sản gia đình bố mẹ chị xây dựng và thửa đất 459; do ông Luật được ở trên thửa đất khác cùng thôn nên được sử dụng phần đất ít hơn, sau đó gia đình ông Luật đã tự

xây dựng tường ngăn cách, chia đôi thửa đất như hiện nay. Khi chết các cụ chết không để lại di chúc, tài sản là 02 thửa đất như giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên hộ cụ Áng.

Trong vụ án này ông Luật đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của cụ Áng và cụ Đoan theo quy định pháp luật cho 04 người con (phần của ông Nhã do các con ông Nhã thừa kế thế vị); đối với thửa đất số 460 và thửa số 459; ý kiến của các chị là đất này nguồn gốc là các cụ để lại nếu chia theo quy định pháp luật nhưng phải trích chia 1 phần công sức cho bà Tám và trả giá trị các tài sản trên thửa đất 459 của chị Nguyễn Thị Hà nếu ông Luật được Toà án thừa số 459; nếu gia đình các chị được phần đất có tài sản của chị Hà thì chị Hà không đề nghị trích trả để cho 3 chị em cùng đứng tên và tự giải quyết với nhau. Ngoài ra ông Luật được sử dụng phần đất có tài sản gì trên thửa đất 460 của gia đình các chị thì phải trích trả cho gia đình các chị bằng tiền tuy nhiên đề nghị trích trả và chia đất mang tên 3 người là chị Nga, chị Hà, anh Khuyến và ngược lại.

Với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đối với phần của các chị Hà, chị Nga, Anh Khuyến theo diện thừa kế của ông Nhã các anh chị xin nhận bằng hiện vật, cả 3 người cùng đứng tên, sau khi có bản án của Toà án các anh chị tự thống nhất, thoả thuận, phân chia, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Còn khi sinh sống trên đất các chị không có công sức gì nên không yêu cầu.

Lý do tại sao chị Hà được sử dụng phần đất diện tích 57 m<sup>2</sup> là do bà Tám cho chị Hà sử dụng, sau khi gia đình phân chia cụ thể, ông Luật được sử dụng diện tích 57 m<sup>2</sup> nêu trên và Thửa đất có diện tích 545 m<sup>2</sup> tại xóm 6, thôn Rền xã Cảnh Hưng; tuy nhiên ông Luật đổi thửa 459 đó gộp với diện tích của bà Đoan (vợ ông Áng) để sử dụng khoảng ½ phần đất tại thửa đất số 460 sau đó ông Luật đã xây tường như hiện nay.

Đối với các tài sản trên thửa 459 là của chị Nguyễn Thị Hà nếu ông Luật được Toà án chia thửa số 459 thì phải trích trả cho chị những tài sản của chị; nếu gia đình các chị được phần đất có tài sản của chị Hà thì chị Hà không đề nghị trích trả để cho 3 chị em cùng đứng tên và tự giải quyết với nhau.

Các tài sản trên thửa đất 460 là của bà Tám, anh Khuyến, chị Đáng trường hợp ai được chia trên phần đất nào phải trích trả giá trị bằng tiền cho những người đã xây dựng, tuy nhiên đề nghị Toà án tuyên trích trả cho 3 người là chị Hà, anh Khuyến, chị Nga.

Phần tài sản trên đất của của chị Đáng cũng trích trả cho 3 người là chị Hà, chị Nga, anh Khuyến đứng tên, gia đình sẽ tự thoả thuận.

Ngoài ra chị Hà, chị Nga không có ý kiến yêu cầu gì khác.

\*Tại phiên toà bà Tám trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của chị Hà và các lời trình bày của các con bà trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các thửa đất bà đề nghị khi chia thì trích chia công sức cho bà bằng hiện vật, phần của bà được hưởng đề nghị cho 3 con là chị Hà, chị Nga, anh Khuyến đứng tên.

**\*Tại các lời trình bày có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nhuận trình bày:**

Về quan hệ vợ chồng, năm sinh, năm mất của cụ Áng, cụ Đoan, cũng như các con của hai cụ, năm sinh, năm mất của ông Nhã, bà Huệ; di sản do cụ Áng, cụ Đoan để lại như ông Luật trình bày là đúng. Nguồn gốc thửa đất 460 là do các cụ để lại cho bố mẹ bà cụ Áng, cụ Đoan, nguồn gốc thửa 459 ban đầu là đất ao, sau đó do ông Luật tân lập thành đất vườn như hiện nay.

Đối với yêu cầu chia thừa kế di sản mà bố mẹ bà để lại cho 4 người như ông Luật yêu cầu, bà đồng ý. Đối với phần bà được hưởng bà cho ông Luật để ông hương khói, cúng giỗ cho cụ Áng, cụ Đoan. Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì, xin vắng mặt tại các phiên toà.

**\*Tại các lời trình bày có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ trình bày:**

Về quan hệ vợ chồng và năm sinh, năm mất của cụ Áng, cụ Đoan, cũng như các con của hai cụ, năm sinh, năm mất của ông Nhã, bà Huệ; di sản do cụ Áng, cụ Đoan để lại như chị Hà và chị Nga trình bày là đúng.

Nguồn gốc thửa đất 460 là do các cụ để lại cho bố mẹ bà cụ Áng, cụ Đoan, nguồn gốc thửa 459 ban đầu là đất ao, sau đó do bà Tám tân tạo thành đất vườn như hiện tại, không phải do ông Luật. Đối với yêu cầu chia thừa kế di sản mà bố mẹ bà để lại cho 4 người như ông Luật yêu cầu, bà không đồng ý. Bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như hiện nay của ông Luật và bà Tám, do sau khi cụ Áng, cụ Đoan mất, ông Luật, bà Tám đã chia thành hai phần đất sử dụng như trên. Trường hợp yêu cầu chia thừa kế, đối với phần di sản bà được hưởng, bà không có yêu cầu gì nhận di sản. Bà từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 610, 611, 612, 614, 616, 617, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự; căn cứ khoản 3 Điều 76 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Luật về việc chia tài sản thừa kế của Cụ Nguyễn Đắc Áng và cụ Nguyễn Thị Đoan, là Thừa đất 460 có diện tích 334 m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 128, tờ bản đồ số 19, có diện tích 407 ) và thửa đất 459 có diện tích 57 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 5 (nay là 1 phần của thửa đất số 137, có diện tích 237, tờ bản đồ số 19) tại xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng.

- Giao cho ông Luật phần di sản thừa kế là 203,4 m<sup>2</sup> của thửa đất số 460.

- Giao phần diện tích 203,6 m<sup>2</sup> cho bà Tám, chị Hà, chị Nga, anh Khuyến.

- Chia bằng hiện vật, tất cả các phần được chia đều hướng ra ngõ lớn (hướng tây nam).

- Đối với tài sản trên đất là của ai thì người được hưởng phần diện tích đất sẽ trích trả cho người đó.

- Giao cho chị Hà, chị Nga, anh Khuyến quản lý, sử dụng thửa đất số 459, chị Hà phải trích trả ông Luật 2.660.000 đồng (gồm phần bà Nhuận cho ông Luật), anh Khuyến 433.000 đồng, chị Nga 433.000 đồng.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là ông Nguyễn Đắc Luật yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Áng và cụ Đoan để lại, di sản thừa kế là:

Thửa đất số 460 có diện tích 443 m<sup>2</sup> nay là thửa số 138, tờ bản đồ 19, diện tích đo đạc chính quy năm 2003 là 407 m<sup>2</sup>, hiện nay tên chủ sử dụng trên hồ sơ kỹ thuật thửa đất là bà Nguyễn Thị Tám và thửa 459 diện tích 57 m<sup>2</sup> đất vườn (đất nông nghiệp), cùng tờ bản đồ số 05 (nay là 1 phần của thửa đất số 137, tờ bản đồ 19), phần đất này chị Hà đang quản lý, sử dụng; bà Tám kê khai cùng với diện tích đất bà Tám đang sử dụng. Khi chia di sản đề nghị Toà án chia các thửa đất hướng ra mặt ngõ (hướng Tây Nam) để cho tất cả các thửa đất đều hướng ra ngõ lớn.

Bị đơn là anh Nguyễn Đắc Khuyến, bà Nguyễn Thị Tám, chị Nguyễn Thị Hà đang cư trú tại thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du; tài sản thừa kế tranh chấp



toạ lạc tại thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du; Toà án xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản; do đó căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Toà án nhân dân huyện Tiên Du đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lệ, bà Nhuận vắng mặt đã có lời trình bày, đã được Toà án tổng đạt hợp lệ, tại phiên toà hôm nay những người liên quan trên vẫn vắng mặt, việc xét xử vắng mặt không ảnh hưởng tới quyền lợi của các đương sự, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ Áng mất năm 2001, cụ Đoan mất năm 2019 nên đến nay còn thời hiệu khởi kiện vụ án.

Trong vụ án trong vụ án không có đương sự đề nghị áp dụng thời hiệu.

[3] Về nguồn gốc di sản thừa kế và hiện trạng:

Tài sản cụ Áng và cụ Đoan để lại là thửa đất số 460 và thửa 459, hai thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đắc Áng, năm 1998.

Theo lời trình bày của các đương sự cụ Áng và cụ Đoan kết hôn sinh được 5 người con; tài sản nêu trên có nguồn gốc do cụ Áng và cụ Đoan để lại, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, là di sản của các cụ, các đương sự có mặt tại phiên toà thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tuy nhiên đối với thửa đất 459 nguyên đơn và bà Nhuận trình bày nguồn gốc là do ông Luật đào đất ao, tân tạo thành vườn từ khoảng năm 1980, công sức là của một mình ông Luật, các cụ và cả gia đình đều biết, có sự xác nhận của các cụ, các hộ hàng xóm, nhưng năm 1998 khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Áng đã kê khai và làm chứng nhận tên cho hộ ông Áng cả phần diện tích 57 m<sup>2</sup> trên. Bị đơn và bà Lệ cho rằng nguồn gốc thửa 459 ban đầu là đất ao, sau đó do bà Tám tân tạo thành đất vườn như hiện tại, không phải do một mình ông Luật tân tạo thành.

Đối với thửa đất 460 nguyên đơn cho rằng thửa đất trên của các cụ để lại có tứ cận và diện tích như hiện nay, không ai phải tân lập; bị đơn cho rằng mảnh đất trên có nguồn gốc ban đầu diện tích không được như hiện nay mà có 1 phần là ao, sau đó ông Nhã và bà Tám là người tân đất, lấy đất ở ao đắp lên được như hiện nay, sau đó được công nhận là đất ở mang tên hộ ông Áng.

Theo sổ sách lưu tại địa phương và tài liệu do Toà án xác minh: Thửa đất số 460 là đất ở lâu dài; thửa đất số 459 ban đầu là đất ao, sau đó gia đình có trồng tre, tân lấp lâu dài, thành như hiện nay. Việc tân lấp vào khoảng năm 1980-1982, khi đó ông Luật chưa có gia đình ở cùng cụ Áng, cụ Đoan; gia đình bà Tám, ông Nhã vẫn ở cùng thửa đất nhưng khác nhà. Công sức tân lấp là của cả gia đình cụ Áng có cả công sức của ông Luật, ông Nhã, sau này chị Hà mới xây dựng khu chăn nuôi và sử dụng.

Thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đắc Áng, năm 1998. Qua việc xác minh tại địa phương cung cấp không còn lưu trữ được tài liệu nào liên quan đến thành viên hộ ông Áng trước năm 2000. Tuy nhiên các đương sự thừa nhận hộ ông Ánh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 thì hộ ông Áng có cụ Áng và cụ Đoan.

HĐXX xác định 02 thửa đất nêu trên là tài sản chung của cụ Áng và cụ Đoan, các cụ chết không để lại di chúc, ông Luật yêu cầu chia di sản của các cụ là 02 thửa đất nêu trên là có căn cứ. Tài sản trên đất của các cụ xây dựng hiện nay đã phá dỡ không còn các đương sự không có ý kiến gì nên không xem xét.

Đối với các tài sản khác đại diện theo uỷ quyền của bị đơn nêu ra tuy nhiên không yêu cầu trong vụ án này nên HĐXX không xem xét, khi nào có đơn khởi kiện Toà án giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với tài sản trên thửa đất số 460 có tường ngăn chia thửa đất làm 2, phần do ông Luật quản lý có cây cối, tường bao, tường ngăn là do ông Luật xây dựng, còn lại phần đất do bà Tám, anh Khuyến quản lý sử dụng do bà Tám, anh Khuyến, chị Đáng xây dựng. Tài sản trên thửa đất số 459 toàn bộ khu chăn nuôi là do chị Hà xây dựng.

Như vậy: Giá trị tài sản do của Áng, cụ Đoan để lại theo bảng giá trong chứng thư thẩm định giá được tính như sau:

Đất:

Thửa đất số 460: có trị giá là  $5.507.788\text{đ}/\text{m}^2 \times 407 \text{ m}^2 = 2.241.669.716$  đồng.

Thửa đất số 459: có trị giá là  $70.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 57 \text{ m}^2 = 3.990.000$  đồng.

Tổng trị giá: 2.245.660.000 đồng.

[4] Về diện được hưởng thừa kế:

Cụ Áng và cụ Đoan kết hôn, chung sống với nhau sinh được 4 người con (do bà Nhuệ không có chồng con mất năm 1974). Cụ Áng mất năm 2001 không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất của Áng gồm: Cụ Đoan, ông Luật, ông Nhã, bà Nhuận, bà Lệ.

Cụ Đoàn mất năm 2019 hàng thừa kế của cụ gồm có: ông Luật, ông Nhã, bà Nhuận, bà Lệ.

Ông Nhã mất năm 1997 trước khi cụ Áng và cụ Đoàn mất, khi chết ông Nhã không để lại di chúc. Do đó 03 người con là: Anh Khuyển, chị Hà, chị Nga được hưởng phần di sản thừa kế thế vị phần của ông Nhã đối với di sản của cụ Áng, cụ Đoàn. Ký phần của các anh chị cùng nhau nhận bằng đất, thống nhất đứng tên cả 3 người, sau khi có bản án của Tòa án các anh chị tự thống nhất, thoả thuận, phân chia, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, thoả thuận trên đúng quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Trong vụ án không có tài liệu, chứng cứ, chứng minh người thuộc diện thừa kế không được hưởng di sản thừa kế. Do vậy di sản của cụ Áng và cụ Đoàn để lại sẽ được chia cho các đồng thừa kế sau khi xem xét đến quyền lợi, công sức của ông Luật, bà Tám, ông Nhã.

[5] Về xác định quyền lợi và công sức đóng góp của ông Luật, bà Tám, ông Nhã.

Theo lời trình bày của các đương sự Tòa án xác minh tại địa phương, xác định thửa đất số 460 là đất ở lâu dài có nguồn gốc của cụ Áng, cụ Đoàn. Thửa đất số 459 ban đầu là đất ao, sau đó gia đình có trồng tre, tân lập lâu dài bắt đầu từ khoảng năm 1980-1982, thành như hiện nay có công sức của cả gia đình trong đó có ông Luật khi đó chưa lập gia đình và của ông Nhã, công sức hai ông là ngang nhau, bà Tám trông nom, đóng thuế nhiều năm sau đó giao cho chị Hà sử dụng. Ngoài ra thửa đất số 460 bà Tám trình bày nguồn gốc của các cụ tuy nhiên thửa đất có một phần là ao, sau đó bà và ông Nhã tân lập thêm mới được diện tích như hiện nay, bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; tuy nhiên bà ở trên đất từ năm 1978 đến nay, có công sức duy trì, tôn tạo, trông giữ, đóng thuế,...đối với 02 thửa đất nên HĐXX quyết định trích cho bà Tám phần công sức bằng một xuất thừa kế đối với di sản của cụ Áng và cụ Đoàn đối với cả 2 thửa đất.

Ngoài ra đối với việc lo đám ma cho cụ Áng, cụ Đoàn khi chết đến nay không ai có ý kiến hay yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét. Trong vụ án này không phải trích một phần trong khối di sản của cụ Áng, cụ Đoàn cho ai khác trước khi chia cho các đồng thừa kế.

Tại phiên toà các đương sự khác không yêu cầu gì về công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với việc chia di sản của các cụ Áng và cụ Đoàn tài sản là thửa đất số 460 và thửa 459 và khi chia di sản đề nghị Tòa án chia

các thửa đất hướng ra mặt ngõ (hướng Tây Nam) để cho tất cả các thửa đất đều hướng ra ngõ lớn.

Khi chia di sản thừa kế của Áng, cụ Đoan; các con ông Nhã là chị Hà, chị Nga, anh Khuyển có nguyện vọng xin lấy bằng hiện vật, bà Tám xin lấy phần trích chia bằng hiện vật và cho 3 con đứng tên phần đất của bà; bà và 3 người con đều thống nhất cho chị Hà, Nga, Khuyển đứng tên trên phần đất được chia, các anh chị sẽ tự thỏa thuận trong gia đình, còn việc ai được hưởng phần đất nào trên đất có tài sản của ai thì phải trích trả giá trị bằng tiền cho người kia hoặc bằng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy như trong phần nhận định về nguồn gốc di sản thừa kế và hiện trạng thì 02 thửa đất là tài sản chung của cụ Áng và cụ Đoan nên yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Luật là có căn cứ chấp nhận.

- Cụ Áng chết không để lại di chúc,  $\frac{1}{2}$  tài sản chung sẽ được chia theo quy định pháp luật.

Kỷ phần của các đương sự như sau:

Tài sản chung của cụ Áng và cụ Đoan tổng trị giá: 2.245.660.000 đồng.

Cụ Áng = Cụ Đoan = 1.122.830.000 đồng.

Kỷ phần theo quy định pháp luật của cụ Đoan, bà Nhuận, bà Lệ, ông Luật, ông Nhã bằng nhau.

Kỷ phần chia theo thực tế chia thêm cho bà Tám bằng 1 suất thừa kế:

Cụ Đoan, bà Nhuận, bà Lệ, ông Luật, ông Nhã (do anh Khuyển, chị Hà, chị Nga nhận), bà Tám bằng nhau = 187.138.300 đồng.

Do bà Lệ không nhận tài sản, không cho ai nên phần của bà Lệ chia làm 5 cho: bà Đoan, bà Nhuận, ông Luật, ông Nhã, bà Tám = 37.427.600 đồng.

- Sau khi ông Áng chết di sản của cụ Đoan = 1.122.830.000 đồng + 187.138.300 đồng + 37.427.600 đồng = 1.347.395.900 đồng.

Cụ Đoan chết không để lại di chúc, di sản cụ Đoan sẽ được chia theo quy định pháp luật.

Kỷ phần của theo pháp luật của bà Nhuận, bà Lệ, ông Luật, ông Nhã bằng nhau.

Kỷ phần chia theo thực tế chia thêm cho bà Tám bằng 1 suất thừa kế:

Bà Nhuận, bà Lệ, ông Luật, ông Nhã (do anh Khuyển, chị Hà, chị Nga nhận), bà Tám bằng nhau = 269.479.100 đồng.

Do bà Lệ không nhận tài sản, không cho ai nên phần của bà Lệ chia làm 4 cho: bà Nhuận, ông Luật, ông Nhã, bà Tám = 67.369.700 đồng.

Do bà Nhuận được hưởng di sản cho toàn bộ ông Luật nên ông Luật được hưởng phần của bà Nhuận.

Kỷ phần thực tế nhận của ông Luật = Kỷ phần của ông Luật + Kỷ phần của bà Nhuận= 1.122.829.400 đồng.

Kỷ phần của ông Nhã do chị Hà, chị Nga, anh Khuyến nhận: 561.414.700 đồng.

Phần của bà Tám: 561.414.700 đồng.

Kỷ phần của ông nhã do chị Hà, Nga, anh Khuyến nhận, phần của bà Tám bà cho 3 chị em là chị Hà, chị Nga, anh Khuyến đứng tên.

Do thừa đất số 460 diện tích rộng, là đất ở lâu dài, có giá trị, có thể chia bằng hiện vật cho các đương sự nên kỷ phần của các đương sự sẽ được chia bằng hiện vật (đất), kỷ phần của ông Luật tương đương với 203,9 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 460, phần của anh Khuyến, chị Hà, chị Nga, bà Tám có diện tích còn lại là 203,4 m<sup>2</sup> tại thửa số 460 và thửa đất 459; yêu cầu của của ông Luật khi chia đề nghị chia đất hướng ra ngõ lớn, hướng Tây Nam, HĐXX xét thấy do tài sản trên thửa đất số 460 có các công trình của bà Tám, anh Khuyến, chị Đáng đều là nhà tạm và cây cối, có giá trị không lớn, trường hợp chia dọc theo hướng ra ngõ lớn, không làm ảnh đến các tài sản của đương sự, mặt khác đảm bảo giá trị các thửa đất được chia đều có giá trị, mặt tiền đẹp hơn, hướng ra ngõ lớn hơn nên HĐXX quyết định chia thửa đất dọc hướng ra ngõ theo hướng Tây Nam. Giao cho chị Nga, chị Hà, anh Khuyến, quản lý, sử dụng phần đất thửa số 459; để tiện cho việc quản lý sử dụng đất, giao cho chị Nga, chị Hà, anh Khuyến, quản lý, sử dụng phần đất mới chia tại thửa số 460 gần với phần thửa đất 459; giao cho ông Luật sử dụng phần đất còn lại, giáp với phần đất nhà ông Giáo.

Trên phần đất mới chia của ông Luật có các tài sản của bà Tám, chị Đáng, anh Khuyến gồm: 01 bếp, 01 nhà cấp 4 lợp ngói ta, 03 đoạn tường, 01 cây roi, 01 cây nhãn, 02 cây mít có tổng trị giá là 31.909.900 đồng theo chứng thư thẩm định giá.

Trên phần đất mới chia của chị Hà, chị Nga, anh Khuyến có các tài sản của ông Luật: 01 cây vải, cây nhãn, cây cau, cây chuối giá trị nhỏ ông Luật không yêu cầu trích trả. Đối với 03 đoạn tường ông Luật xây có trị giá là 6.915.200 đồng có giá trị nên ông yêu cầu trích trả nên anh Khuyến, chị Hà, chị Nga phải có nghĩa vụ trích trả giá trị bằng tiền.

Các tài sản trên đất các đương sự thống nhất ai được chia trên phần đất nào được hưởng tài sản trên phần đất đó tuy nhiên phải trích trả giá trị bằng tiền cho bên còn lại do vậy ông Luật phải trích trả cho chị Đáng, anh Khuyến, bà Tám do chị Nga, chị Hà, anh Khuyến nhận số tiền là 24.994.700 đồng.

Toà án giao cho chị Nga, chị Hà, anh Khuyến, quản lý, sử dụng phần đất thửa số 459; trên đất có tài sản của chị Hà, tuy nhiên chị Hà không đề nghị giải quyết, đề nghị giao các tài sản đó cho chị Hà, chị Nga, anh Khuyến cùng đứng tên, các anh chị tự thống nhất thoả thuận nên HĐXX không xem xét.

Tại phiên toà đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đúng, đầy đủ, cách phân chia phù hợp, có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Luật được chấp nhận ông phải chịu án phí đối với phần di sản được nhận, phần bà Nhuận cho ông Luật bà Nhuận là người cao tuổi được miễn án phí nên ông Luật không phải chịu án phí đối với phần được nhận của bà Nhuận; bà Tám là người cao tuổi, xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Tám; chị Hà, chị Nga, anh Khuyến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận (trừ phần bà Tám cho).

[8] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn cụ ông Nguyễn Đắc Luật tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

*Bởi các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 11, 36, 42, 52, 73, 74, 76 Luật Đất đai năm 1993.

Căn cứ các điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đắc Luật đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Đắc Áng và cụ Nguyễn Thị Đoan theo pháp luật. Xác định khối di sản của cụ Áng và cụ Đoan để lại gồm: Thửa đất số 460, có diện tích 443 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa 138, tờ bản đồ 19, diện tích 407 m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 407 m<sup>2</sup>) loại đất là đất ở và thửa 459, diện tích 57 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, loại đất vườn; tọa lạc tại xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đắc Áng, năm 1998.

2. Chia cho ông Nguyễn Đắc Luật được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 203,9 m<sup>2</sup>, tại đất số 460, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa 138, tờ bản đồ 19) tọa lạc tại xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; có tứ cận như sau:

Bắc giáp ngõ đi, Nam giáp đường bê tông, Đông giáp nhà ông thừa đất số 155 nhà ông Nguyễn Đình Giáo và nhà ông Huy, Tây giáp đất anh Khuyến, chị Hà, chị Nga mới chia.

Ông Nguyễn Đắc Luật được sở hữu 01 bếp, 01 nhà cấp 4 lợp ngói ta, 03 đoạn tường, 01 cây roi, 01 cây nhãn, 02 cây mít và các tài sản trên phần diện tích đất được chia.

3. Chia cho anh Khuyến, chị Hà, chị Nga được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 203,1 m<sup>2</sup> tại đất số 460, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa 138, tờ bản đồ 19) tọa lạc tại xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; có tứ cận như sau:

Bắc giáp ngõ đi, Nam giáp đường bê tông, Đông giáp nhà ông Luật mới chia, Tây đường bên tông.

Anh Khuyến, chị Hà, chị Nga được sở hữu các tài sản trên phần diện tích đất được chia.

Chia cho anh Khuyến, chị Hà, chị Nga được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 57 m<sup>2</sup> tại đất số 459, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xóm 5, thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; có tứ cận như sau:

Bắc giáp phần đất chị Hà, bà Tám và nhà ông Huynh; Nam giáp phần đất chị Hà, bà Tám; Đông giáp nhà ông Huynh và đường bê tông; Tây phần đất chị Hà, bà Tám.

Anh Khuyến, chị Hà, chị Nga được sở hữu các tài sản trên phần diện tích đất được chia.

(Có sơ đồ phân chia đất và các tài sản trên đất kèm theo bản án)

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Đắc Luật phải có trách nhiệm trích trả cho anh Khuyến, chị Hà, chị Nga số tiền 24.994.700 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Đắc Luật phải chịu 27.456.300 đồng án phí DSST; anh Nguyễn Đắc Khuyến, chị Nguyễn Thị Hà, chị Nguyễn Thị Nga phải chịu tổng số 26.456.500 đồng tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- UBND xã
- VKS huyện Tiên Du;
- THA DS huyện Tiên Du;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Mạnh**



5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Chủ tọa phiên toà**

**Trần Quang Lưu**

**Dương Thị Ngân**

**Vũ Mạnh**